

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 10 - 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trung Bang và ông Nguyễn Quang Đặc.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Ngô Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 04/11/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 11/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/HSST-QĐ ngày 02/12/2025 đối với:

- *Bị cáo:* Phạm Văn B, sinh ngày 29/10/1995, tại B, Hưng Yên; số CCCD: 034095001863; nơi đăng ký thường trú: thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên; nơi tạm trú: thôn E, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị B1; vợ là Nguyễn Thu H và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” và “tạm hoãn xuất cảnh”. Có mặt.

- *Bị hại:* anh Tô Văn S, sinh năm: 1991; cư trú tại: thôn E, xã B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* anh Đặng Văn L, sinh năm: 1990; nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị N1, anh Dương Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Văn B có mối quan hệ bạn bè quen biết với anh Tô Văn S (sinh năm 1991, trú tại thôn E, xã B, tỉnh Quảng Ninh) từ tháng 5/2025, B thường đến chơi và ngủ lại qua đêm ở nhà anh S, thỉnh thoảng B có mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu vàng - đen, biển kiểm soát (BKS) 14N1-018.30 của anh S để đi lại. Đêm ngày 05/6/2025, sau khi B và anh S đi chơi về thì B ngủ cùng

anh S tại tầng 2 phòng ngủ của anh S. Đến khoảng 08 giờ ngày 06/6/2025, B dậy trước còn anh S vẫn đang ngủ trong phòng, B đã gọi hỏi anh S vị trí để chìa khóa xe mô tô BKS 14N1-018.30 để mượn xe mô tô đi ăn sáng thì anh S trả lời “*chìa khóa hôm qua em đi mà*” rồi ngủ tiếp, B đi xuống tầng một để tìm chìa khóa xe mô tô thì gặp bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1951, là mẹ của anh S ở cùng nhà) chỉ vị trí chìa khóa xe trên mặt bàn máy ép nước mía ở trong nhà thì B đi vào lấy chìa khóa xe. Do biết lực lượng Cảnh sát giao thông thường xuyên tuần tra xử lý vi phạm giao thông trên các tuyến đường của xã và biết chỗ anh S để giấy tờ xe mô tô nên B đã đi lên phòng của anh S lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để phòng khi bị Cảnh sát giao thông kiểm tra. Sau đó, B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14N1-018.30 đang dựng trước cửa nhà anh S để đi ra ngoài ăn sáng. Trên đường đi, do thiếu tiền tiêu xài nên B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên mang đi cầm cố. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô BKS 14N-018.30 đến quán sửa chữa xe mô tô Tùng L1 của anh Đặng Văn L (sinh năm 1990 tại thôn N, xã B) cầm cố cho anh L để vay 5.000.000 đồng. Khi cầm cố, anh L hỏi về nguồn gốc xe thì B bảo là xe của anh rể B cho mượn, nên anh L đồng ý nhận cầm cố. Sau khi nhận được tiền, B đã tiêu xài hết 4.100.000 đồng. Khi anh S dậy, bà M cho biết việc B đã mượn xe mô tô của anh S đi ăn sáng chưa thấy về, anh S liền gọi điện thoại cho B yêu cầu B trả xe mô tô thì B hẹn gặp anh S tại ngã ba thôn E, xã B để nói chuyện. Tại đây, B bảo đã mang chiếc xe mô tô của anh S đi cầm cố, anh S không đồng ý và yêu cầu B phải trả xe mô tô thì B đưa cho anh S 900.000 đồng còn lại và hứa hẹn đến ngày 08/6/2025 sẽ chuộc xe mô tô trả lại cho anh S. Đến ngày hẹn, B không trả xe mô tô cho anh S và bỏ trốn, gia đình không biết đi đâu, làm gì, còn anh S không thấy B trả xe mô tô như đã hẹn và đã gọi điện thoại cho B nhiều lần, nhưng không liên lạc được và đến nhà B thì thấy B không có mặt ở nhà. Đến ngày 10/6/2025, anh S đến Công an xã B, tỉnh Quảng Ninh trình báo.

Tại biên bản xác minh ngày hồi 09 giờ ngày 05/9/2025 tại Công an xã B thể hiện: từ ngày 02/6/2025 - 08/6/2025 Công an thị trấn B (nay là công an xã B) thực hiện tuần tra thường xuyên kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông trên các tuyến đường nội thị tại thị trấn B (nay là xã B) theo lịch công tác số: 25/KH-CATT ngày 02/6/2025 của Công an thị trấn B (Thực hiện theo Kế hoạch số: 50/KH-UBND ngày 24/3/2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn B về triển khai công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng năm 2025).

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự số: 29/KL-HĐĐGTS ngày 08/8/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Ninh, kết luận: giá trị xe mô tô BKS 14N1-018.30 tại thời điểm ngày 06/6/2025 là 4.833.000 đồng (bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 03/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2,

5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Phạm Văn B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14N1-018.30 và không có yêu cầu bồi thường. Đối với số tiền 5.000.000 đồng anh Đặng Văn L đã cầm cố xe mô tô của B, ngày 05/9/2025 anh L và B đã thỏa thuận việc B sẽ trả dần số tiền trên, anh L không có yêu cầu bồi thường trong vụ án này. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các vấn đề trên.

Về vật chứng vụ án: chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 14N1-018.30, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Tô Văn S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q trả lại cho anh S. Đối với giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Phạm Văn B, vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, cần trả lại cho bị cáo.

Bị hại: anh Tô Văn S vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt có ý kiến: tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14N1-018.30 anh đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại. Anh không có yêu cầu bồi thường gì, đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Đặng Văn L, vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt có ý kiến: đối với số tiền 5.000.000 đồng anh đã cầm cố xe mô tô của B, anh và bị cáo đã có biên bản thỏa thuận dân sự, bị cáo sẽ trả dần cho anh, nên anh không yêu cầu trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn B thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh đã truy tố là đúng. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh, tình tiết định khung hình phạt, điều luật Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh truy tố: tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn B khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với bản ảnh xác định vị trí cất giữ xe cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: khoảng 08 giờ ngày 06/6/2025, tại thôn E, xã B, tỉnh Quảng Ninh, lợi dụng việc anh Tô Văn S cho mượn xe mô tô để sử dụng, Phạm Văn B đã có hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 14N1-018.30 của anh Tô Văn S, có trị giá là 4.833.000 đồng (bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) đem cầm cố để lấy tiền tiêu xài, sau đó B bỏ trốn. Do đó, hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an của địa phương. Bởi vậy, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản được hoàn trả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, vì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị cáo đã thỏa thuận xong về bồi thường dân sự, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 14N1-018.30 và

giấy tờ xe là tài sản của anh Tô Văn S, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn B, vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên trả cho bị cáo.

[10] Đối với anh Đặng Văn L có hành vi cầm cố xe mô tô BKS 14N1-018.30, nhưng không biết chiếc xe trên do B phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” .

Giao bị cáo Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe số: 220181015011 hạng A1, mang tên Phạm Văn B, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp ngày 26/9/2018 (vật chứng lưu tại hồ sơ vụ án).

3. Về hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 32/2025/HSST-LCĐKNCC ngày 03/12/2025 đối với bị cáo Phạm Văn B.

4. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận

được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT, THAHS Công an tỉnh QN;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Ninh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh QN;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa